

111/2008/QĐ - BNN

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và
phát triển rừng cấp tỉnh**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh theo Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ.


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện KSND tối cao, Toà án ND tối cao, Kiểm toán NN;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ, website Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, Vụ Pháp chế.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



[Handwritten signature]

Hứa Đức Nhị



ĐIỀU LỆ MẪU

Về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 111 /2008/QĐ-BNN ngày 18 tháng 11 năm
2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng (sau đây gọi tắt là Nghị định 05/2008/NĐ-CP).

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh

1. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Quỹ) là một tổ chức tài chính Nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập theo Quyết định số ngày...tháng... năm... của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trụ sở của Quỹ:

3. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh/thành phố...

4. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ:Provinces Forest Protection and Development Fund (.....PFPDF).

5. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng ở địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mục đích thành lập và nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Mục đích thành lập Quỹ được qui định tại Điều 3 Nghị định 05/2008/NĐ-CP.

2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ được qui định tại Điều 4 Nghị định 05/2008/NĐ-CP.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 4. Chức năng của Quỹ

1. Tiếp nhận vốn ngân sách của cấp tỉnh, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn.

2. Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác.

3. Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.

4. Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Nghị định 05/2008/NĐ-CP.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ được qui định tại Điều 6 Nghị định 05/2008/NĐ-CP.

Chương III

NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Nguồn tài chính hình thành Quỹ

1. Ngân sách nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ vốn ban đầu khi thành lập Quỹ tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương.

2. Nguồn thu từ các khoản đóng góp bắt buộc của các đối tượng quy định tại Điều 10 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.

3. Tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức quốc tế; tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Vốn nhận ủy thác từ các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước; từ các Quỹ và các nguồn tài chính khác.

5. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Trung ương.

Điều 7. Đối tượng và nội dung được hỗ trợ

Đối tượng và nội dung được hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.

Điều 8. Điều kiện được hỗ trợ

1. Chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án phù hợp với nội dung được hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Tổ chức được hỗ trợ có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về lâm nghiệp và kinh nghiệm thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng.

3. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được hỗ trợ có đủ năng lực dân sự thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

4. Có cam kết hoàn trả toàn bộ hoặc một phần vốn nếu nguồn hỗ trợ có điều kiện phải hoàn trả.

Điều 9. Phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho việc thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được quy định tại Điều 12 Nghị định 05/2008/NĐ-CP.

2. Cơ quan có thẩm quyền thành lập Quỹ quy định cụ thể trình tự, thủ tục, đối tượng được hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn tùy theo từng loại chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án; đồng thời quy định mức hỗ trợ, thời gian hoàn trả khoản hỗ trợ, các trường hợp được xét miễn, giảm khoản kinh phí phải hoàn trả.

Chương IV TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 10. Tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành.

Điều 11. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có từ 7 đến 9 người. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc tổng số lượng thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải là số lẻ. Mỗi thành viên này được gọi là một Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Trong số các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ, 01 ủy viên giữ chức Chủ tịch; 01 ủy viên khác giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ (nếu cần).

3. Các ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ được tuyển chọn từ các cơ quan quản lý ngành lâm nghiệp, đại diện các ngành tài chính, kế hoạch và đầu tư của địa phương, hoạt động kiêm nhiệm.

4. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và ghi rõ tại khoản này.

5. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Quỹ không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, kế toán – tài vụ, thủ quỹ của Quỹ.

6. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tổ chức nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Ban hành các loại quy chế liên quan đến hoạt động của Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ vốn.

6. Thông qua kế hoạch kinh phí và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

7. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhưng không được trái với quy định của Nghị định 05/2008/NĐ-CP.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này.

3. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của

Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền huỷ bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ uỷ quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc cho uỷ viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được uỷ quyền.

6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số uỷ viên của Hội đồng tham dự. Uỷ viên Hội đồng vắng mặt phải thông báo lý do vắng bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc một uỷ viên khác được Chủ tịch uỷ quyền trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt làm Chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các uỷ viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các uỷ viên Hội đồng quản lý Quỹ tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi uỷ viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số uỷ viên trong Hội đồng biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là quyết định cuối cùng. Uỷ viên của Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký, trong một số trường hợp đặc biệt có thể được tất cả các uỷ viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các uỷ viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp

luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể uỷ quyền bằng văn bản cho một uỷ viên Hội đồng ký thay.

7. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng quản lý Quỹ hay quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thì vẫn phải chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 15. Tổ chức Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ có tối đa 3 thành viên, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ. Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Các thành viên khác của Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo Quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Ban Kiểm soát còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và trong trường hợp cần thiết thì báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

2. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

3. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về những tiêu cực hoặc bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát Quỹ, Trưởng ban kiểm soát Quỹ có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ,

do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ;

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua;

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;

d) Căn cứ các quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành, ban hành các quy định về nghiệp vụ hoạt động của Quỹ;

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính;

e) Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ;

g) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định 05/2008/NĐ-CP.

Điều 18. Phó Giám đốc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc Quỹ điều hành Quỹ, được phân công quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về phần việc được phân công.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về phần việc được giao.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Bộ máy điều hành

1. Bộ máy điều hành do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

2. Lãnh đạo của bộ máy điều hành do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật.

3. Lãnh đạo của bộ máy điều hành và cán bộ công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 21. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát và Ban điều hành Quỹ

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và Ban điều hành Quỹ được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định về chế độ kiêm nhiệm.

Chương V CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN

Điều 22. Chế độ tài chính, kế toán

1. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành.

2. Quỹ phải tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

Chương VI XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 23. Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 24. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy điều hành của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Căn cứ vào các quy định hiện hành của pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thời hạn có hiệu lực thi hành của Điều lệ.

Điều 27. Trong quá trình thực hiện, Quý có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này (nếu cần thiết).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**